

Danh sách những nơi tư vấn

どうだんささいちらん 相談先一覧

Cảnh sát けいさつ 警察	Hãy đi đến đồn công an hoặc trụ sở cảnh sát gần đó ちかく こうばん けいさつしょ い 近くの交番か警察署に行ってください	
Số 110 đàm thoại dành cho phụ nữ つうわ ばん レディース通話110番	0120-028-110	Trong suốt 24h mọi ngày じ かん まいにち 24時間 毎日
Trung tâm hỗ trợ, tư vấn bạo lực gia đình はいぐうしゃぼうりょくそうだん し えん 配偶者暴力相談支援センター		
Nơi tư vấn dành cho phụ nữ của tỉnh Akita あき た けんじょせいそうだんしょ 秋田県女性相談所	018-835-9052 0120-783-251	(Thời gian nhận tư vấn qua điện thoại) Ngày thường 8:30~21:00, Thứ 7, chủ nhật và ngày lễ 9:00~18:00 (từ ngày 12/29~1/3) ※Cần phải hẹn trước nếu như đến tư vấn trực tiếp でんわ そうだん じ かん はいじつ ど にちしゅく 【電話相談時間】平日8:30~21:00、土日祝9:00~18:00 (12/29~1/3除く) ※来所相談は要予約
Văn phòng phúc lợi phía bắc tỉnh Akita あき た けんきたふくし し むしょ 秋田県北福祉事務所	0186-52-3951	Thứ 2~Thứ 6 8:30~17:15 (trừ cuối tuần, ngày lễ và nghỉ năm mới)
Văn phòng phúc lợi Yamamoto tỉnh Akita あき た けんやまもとふくし し むしょ 秋田県山本福祉事務所	0185-55-8020	Thứ 2~Thứ 6 8:30~17:15 (trừ cuối tuần, ngày lễ và nghỉ năm mới)
Văn phòng phúc lợi trung tâm tỉnh Akita あき た けんちゅうおうふくし し むしょ 秋田県中央福祉事務所	018-855-5171	
Văn phòng phúc lợi phía nam tỉnh Akita あき た けんみなみふくし し むしょ 秋田県南福祉事務所	0182-32-3294	
Văn phòng tham gia dự án cộng đồng nam nữ trung tâm tỉnh Akita あき た けんちゅうおうだんじょきょうどうさんかく 秋田県中央男女共同参画センター	018-836-7846	
Cục pháp lý Đường dây nóng nhân quyền của phụ nữ	0570-070-810	Thứ 2 ~ thứ 6 (trừ ngày lễ và nghỉ năm mới) げつ きん しゅくじつ ねんまつねんし のぞ 月~金(祝日、年末年始除く)
Bộ tư pháp Nơi tư vấn về nhân quyền cho người ngoại quốc ほうむしよ 法務省 がいこくじん じんけんそうだんじょ 外国人のための人権相談所	0570-090911	Ngày thường (trừ ngày nghỉ năm mới) 9:00~17:00 Tiếng anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, Tiếng Phi lip pin, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt はいじつ ねんまつねんし のぞ 平日(年末年始除く)9:00~17:00 えいご ちゅうごくご かんこくご こ こ 英語、中国語、韓国語、フィリピン語、ポルトガル語、ベトナム語
Số điện thoại hỗ trợ nạn nhân Houterasu ほう はんざい ひ がいしゃ し えん 法テラス犯罪被害者支援ダイヤル	0570-079-714	Thứ 2 ~ thứ 6 9:00~21:00 Thứ 7 9:00~17:00 げつ きん ど 月~金9:00~21:00 土9:00~17:00

Tiếng Việt Bản tin Số 21

Tài liệu phát miễn phí!

せいかつじょうほう し 生活情報誌 えいあいえい!!!

- 《Mục lục》
- P.1 Bạo hành và bạo lực gia đình là
 - P.2 Người ngoại quốc và tư cách lưu trú (visa) / Hình thái bạo lực
 - P.3 Khi bị bạo hành
 - P.4 Danh sách những nơi tư vấn
- 《目次》
- P.1 ドメスティック・バイオレンス(DV)とは
 - P.2 外国人と在留資格(ビザ)・暴力の形態
 - P.3 もし暴力を受けたら
 - P.4 相談先一覧



Thông tin về bạo hành và bạo lực gia đình dành cho người ngoại quốc.

がいこくじん かた じょうほう
外国人の方へドメスティック・バイオレンス(DV)の情報はです。

Bạo hành và bạo lực gia đình là

➢ Hành động bạo lực do những người có quan hệ mật thiết là chồng (vợ) và bạn trai (bạn gái) gây ra

Luật pháp về phòng tránh bạo lực, bạo hành gia đình là

➢ Luật pháp được xây dựng nhằm mục đích bảo vệ người bị hại và phòng chống bạo hành từ chồng (vợ) Luật không chỉ áp dụng với trường hợp có quan hệ hôn nhân mà còn áp dụng trong trường hợp sau khi ly hôn hoặc quan hệ vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn

➢ Người bị hại không chỉ giới hạn là phụ nữ, tuy nhiên đa số những nạn nhân của bạo hành gia đình là phụ nữ.

➢ Đặc biệt, phụ nữ ngoại quốc là những người bị coi là yếu thế cả về kinh tế, văn hóa cũng như vị thế xã hội, hơn nữa họ còn yếu thế hơn do tư cách lưu trú của họ phụ thuộc vào chồng.

ドメスティック・バイオレンス(DV)とは

はいぐうしゃ しんみつ かんけい もの ふ ぼうりょく
➢ 配偶者やパートナーなど親密な関係にある者から振られる暴力のことです。

DV防止法とは

はいぐうしゃとう ぼうりょく ぼうし ひ がいしゃ ほ ごとう はか もくてき せいてい ほうりつ
➢ 配偶者等からの暴力を防止し、被害者の保護等を図ることを目的として制定された法律です。
こんいんかんけい りこんご じじつこん てきよう
婚姻関係にあるパートナーだけではなく離婚後や事実婚にも適用されます。

ひ がいしゃ じょせい げんてい はいぐうしゃ ぼうりょく ひ がい じょせい ばあい おお
➢ 被害者を女性に限定していませんが、配偶者からの暴力被害は、女性の場合が多いです。

とく がいこくじんじょせい ことば ふく ふん か てき けいざいてき しゃかいてき ちからかんけい よわ たちば おとと ふずい
➢ 特に、外国人女性は、言葉を含め文化的、経済的、社会的な力関係で弱い立場になり、また、夫に付随する「在留資格」のためさらに弱者となってしまいます。

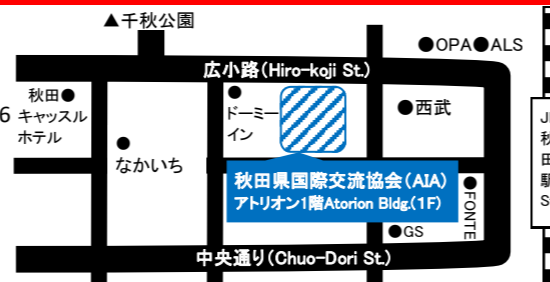


Pháp nhân công ích Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Akita (AIA)

こうえきざいだんほうじん あき た けんこくさいこうりゅうきょうかい
公益財団法人 秋田県国際交流協会

**Tư vấn bằng
điện thoại
018-884-7050**

あき た し なかどおり かい
〒010-0001 秋田市中通2-3-8 アトリオン1階
Akita shi, chou dori 2-3-8 tòa nhà ATORION Tầng 1
【Số điện thoại】018-893-5499 【Số FAX】018-825-2566
【Thư điện tử】aia@aiahome.or.jp
【Thời gian mở cửa】
げつ きん たい ど
月(Thứ 2)~金(Thứ 6)、第3土(Thứ 7 tuần thứ 3)/9:00-17:45



Người ngoại quốc và tư cách lưu trú (visa)

外国人と在留資格 (ビザ)

➢ Để có thể sinh sống tại Nhật, ngoài hôn nhân đúng theo pháp luật, còn phải có tư cách lưu trú “vợ hoặc chồng là người Nhật”

➢ 日本で生活するためには、法的婚姻の他に「日本人配偶者等」という在留資格が必要です。

➢ Về thời gian lưu trú: đầu tiên là 2 lần gia hạn visa thời hạn 1 năm, sau đó là 3 năm đối với những cặp vợ chồng đã ổn định cuộc sống. Sang đến năm thứ 5 trở đi sẽ nhận được tư cách lưu trú “vĩnh trú”

Thời gian lưu trú cũng như gia hạn này không đúng với tất cả mọi người.

➢ 在留期限は最初1年間を2回更新し、安定した夫婦にはさらに3年間その後5年目になってから「永住者」の在留資格を取得することができます。すべての人がこの更新期限ではありません。

➢ Người sau khi đã nhận được tư cách vĩnh trú, kể cả sau khi ly hôn cũng vẫn có thể tiếp tục sống tại Nhật.

➢ 永住者になれば離婚しても日本に住み続けることができます。

➢ Trong trường hợp ly hôn trước khi có tư cách vĩnh trú nhưng có con mang quốc tịch Nhật Bản thì tư cách lưu trú sẽ được chuyển thành “người định cư”

➢ 永住者になる前に離婚した時は「日本国籍の子どもの親権者」であれば「定住者」の在留資格に変更します。

➢ Người không có con mang quốc tịch Nhật Bản hoặc không có quyền làm cha mẹ với người mang quốc tịch Nhật Bản sẽ mất tư cách lưu trú.

➢ 「日本国籍の子ども」がいない人や「親権者」でない人は在留資格を喪失します。

Khi gia hạn tư cách lưu trú sẽ cần có sự giúp đỡ của chồng

在留資格の更新には夫の協力が必要

Mối lo bị tách rời khỏi con của mình

子どもと引き離される恐怖

Đừng lo lắng một mình, hãy cùng nhau suy nghĩ
AIA sẽ hướng dẫn cách liên lạc với bên nhận tư vấn

一人で悩まないで! 一緒に考えます。
AIAでは相談先を教えてください。



Khi bị bạo hành もし暴力を受けたら

muốn nhận được tư vấn
相談したい

muốn thoát ra, tìm đến nơi không có người đã gây hại cho mình
加害者がいないところに逃れたい

muốn tách ra khỏi người đã gây hại cho mình
加害者を引き離してほしい

Cảnh sát
警察



Nơi tư vấn dành cho phụ nữ
女性相談所
Trung tâm hỗ trợ, tư vấn bạo lực gia đình
配偶者暴力相談支援センター



Bảo vệ tạm thời, hỗ trợ để tự lập
一時保護・自立支援



Viết hồ sơ khai báo
申立書の作成
Ghi rõ việc chịu bạo hành, những điều đã trao đổi với cảnh sát và nơi tư vấn dành cho phụ nữ
暴力を受けた状況や警察、女性相談所に相談した事実等を記載する

Tòa án địa phương
地方裁判所

Ban bố mệnh lệnh bảo vệ
保護命令発令

Người làm hại (người gây ra bạo lực)
加害者

Nếu làm trái lại với mệnh lệnh sẽ phải đi tù từ 1 năm trở xuống hoặc nộp phạt 100 man yên trở xuống
命令に違反すれば、1年以下の懲役又は100万円以下の罰金

Hình thái bạo lực 暴力の形態

➢ Những hành vi liên quan đến thân thể
đấm, đá, giật tóc, bóp cổ
ném đồ vật, sử dụng những đồ vật sắc nhọn làm tổn thương cơ thể, v.v...

➢ 身体的なもの
なぐる・ける・髪をひっぱる・首をしめる
物を投げつける・刃物を体につきつける など

➢ Những hành vi liên quan đến tinh thần
hét to, phớt lờ, tỏ ra không quan tâm đến đối phương
khinh bỉ, hạ nhục trước người khác, tỏ ra trịch thượng, ra lệnh theo dõi hành động của mình, v.v...

➢ 精神的なもの
大声でどなる・無視して口をきかない
人の前でバカにしたり、命令する
行動を監視する など

➢ Những hành vi liên quan đến kinh tế
Không đưa tiền phí sinh hoạt, v.v...
➢ 経済的なもの 生活費を渡さない など

➢ Những hành vi liên quan đến giới tính
ép buộc quan hệ tình dục,
ép buộc nạo phá thai,
không hợp tác trong vấn đề phòng tránh thai, v.v...

➢ 性的なもの
性行為を強要する
中絶を強要する
避妊に協力しない など

